TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TAM KỲ** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20-3-2023
V/v "Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ -TỈNH QUẢNG NAM

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thông

Bà Trần Thị Kim Thanh

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phan Thị Cẩm Linh– Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:* Ông Ngô Minh Thưởng- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 245/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 về việc: *"Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1986, có mặt

- Bị đơn: Ông Trương Văn H, sinh năm 1982, vắng mặt

Cùng trú tại địa chỉ: Khối phố X, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên bà Đoàn Thị T trình bày:

Bà và ông Trương Văn H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Trong quá trình chung sống vợ chồng luôn gây gỗ, xích mích, nguyên nhân là do ông H thường xuyên chơi cờ bạc, rượu chè, ngoại tình, không lo cho gia đình, nên tình cảm vợ chồng không còn, bà không thể tiếp tục sống chung với ông H, do đó bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung là Trương T, sinh ngày 05/01/2009 và Trương V, sinh ngày 04/11/2014. Nguyện vọng của bà khi ly hôn là được trực tiếp nuôi hai con đến khi 18 tuổi, yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (1.000.000 đồng/1 con chung) đến khi hai con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Trương Văn H

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã được tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng (thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải,… nhưng ông H không đến Tòa để giải quyết vụ án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Tuyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ tham gia phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Trương Văn H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là không thực hiện các quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trương Văn H đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông H không hợp tác, vắng mặt tại các phiên họp, hòa giải, các phiên tòa mà không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị T và ông Trương Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam nên hôn nhân của bà T và ông H là hợp pháp.

Theo lời khai của bà T thì trong quá trình chung sống vợ chồng bà luôn xảy ra mâu thuẫn, xích mích, nguyên nhân là do ông H thường xuyên chơi cờ bạc, rượu chè, ngoại tình, không lo cho gia đình, nên tình cảm vợ chồng không còn, bà không thể tiếp tục sống chung với ông H, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H. Quá trình giải quyết vụ án, ông H đều vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành việc hòa giải và ông H cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T thể hiện ông H không có thiện chí hòa giải để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T và ông H đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông H, là có căn cứ và phù hợp với thực tế.

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng bà T và ông H có 02 con chung là Trương T, sinh ngày 05/01/2009 và Trương V, sinh ngày 04/11/2014. Nguyện vọng của bà T khi ly hôn là được trực tiếp nuôi hai con đến khi đủ 18 tuổi. Xét thấy, hiện nay bà T có công việc và thu nhập ổn định, có điều kiện chăm sóc các con và các con cũng có nguyện vọng được ở với bà T, nên giao hai con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi, là phù hợp với Điều 58, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do ông H không đến Tòa và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (1.000.000 đồng/1 con chung) đến khi hai con đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy nuôi con chung là trách nhiệm của cha mẹ, người không trực tiếp nuôi con phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà T là phù hợp, bảo đảm các nhu cầu thiết yếu của các con nên chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Bà Đoàn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Trương Văn H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 115 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị T về việc *"Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn"* đối với bị đơn ông Trương Văn H.

- Bà Đoàn Thị T được ly hôn với ông Trương Văn H.

- Về nuôi con chung: Giao hai con chung Trương T, sinh ngày 05/01/2009 và Trương V, sinh ngày 04/11/2014 cho bà Đoàn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi hai con đủ 18 tuổi. Ông Trương Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng *(1.000.000 đồng)/01 con chung)* cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Đoàn Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba*

trăm nghìn đồng) bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009926 ngày 13/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Ông Trương Văn H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn* đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh, thành phố;
- Chi cục THA TP.Tam Kỳ;
- UBND phường A, thành phố T;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Vân